

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc.
2. Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Miền T, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 09, ấp Phước Tr A, xã Mỹ Ph, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Anh D, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn chị Lê Miền T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm, chị với anh Trương Anh D quyết định tiến tới hôn nhân, thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 140/2015 ngày 23/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh D không quan tâm đến chị, nhận thấy cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị đã bỏ đi không sống chung với anh D nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 20/6/2016 hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị D và được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra chị còn có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do bận làm ăn xa.

Bị đơn là anh Trương Anh D đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và được quyền tiếp tục nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị T có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Anh D với chị T thành vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận. Xét thấy, khoảng tháng 8/2016 vì

mâu thuẫn gia đình mà chị T đã bỏ đi, vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, cả hai đều không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau cho thấy đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

Quan hệ con chung: Chị T xác định chị với anh D có 01 đứa con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 20/6/2016 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H đã sống chung với chị T kể từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu H đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường cho thấy chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nghĩ nên áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng. Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016922 ngày 24/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Miên T được ly hôn với anh Trương Anh D.

2. Về con chung: Chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Nhựt H, sinh ngày 20/6/2016. Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016922 ngày 24/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.

Lê Hữu Nghĩa